| | |
|---|---|
| HỌC VIỆN QUÂN Y<br>**BỆNH VIỆN QUÂN Y 103** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 5337 /QĐ-BVQY103 | *Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Vật tư y tế tiêu hao

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUÂN Y 103

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định về cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập; số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế; số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế; số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BQP ngày 12/12/2025 của Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn một số nội dung về hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;*

*Căn cứ Quyết định số 5292/QĐ-BVQY103 ngày 07/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Quân y 103 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm Vật tư y tế tiêu hao;*

*Xét đề nghị của đồng chí Chủ nhiệm khoa Trang bị tại Tờ trình số 558/TTr-TB ngày 07/10/2026 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Vật tư y tế tiêu hao.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Vật tư y tế tiêu hao với các nội dung sau: *(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Giao Khoa Trang bị, Ban Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chủ nhiệm khoa Trang bị, Trưởng ban Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TB. K03.

**GIÁM ĐỐC**

HỌC VIỆN QUÂN Y * BỆNH VIỆN QUÂN Y 103 *

**Thiếu tướng Lường Công Thức**

Phụ lục 1

NỘI DUNG MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

*(Kèm theo Quyết định số 5337 /QĐ-BVQY103 ngày 03 /10/2026 của Bệnh viện Quân y 103)*

*ĐVT: đồng*

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Găng tay phẫu thuật vô trùng | Đôi | 300.000 | Găng tay phẫu thuật vô trùng có bột: Có độ đàn hồi tốt, vô trùng từng đôi. Có tối thiểu các cỡ: 6,5; 7; 7,5. | 3.000 | 900.000.000 |
| 2 | Pin AA | Đôi | 1.500 | Kích thước: (14.5x50)mm ± 5%.<br>- Loại pin: AA kiềm.<br>- Điện áp: 1.5V.<br>- Thời gian chờ ≥ 1 năm. | 30.240 | 45.360.000 |
| 3 | Pin AAA | Đôi | 1.000 | Kích thước: Pin AAA.<br>- Loại pin: Pin kiềm.<br>- Điện áp: 1.5V.<br>- Thời gian chờ ≥ 1 năm. | 30.240 | 30.240.000 |
| 4 | Pin trung | Viên | 500 | Kích thước: (26x50)mm ± 5%.<br>- Loại pin: Pin trung.<br>- Điện áp: 1.5V | 10.800 | 5.400.000 |
| 5 | Cassette hoá chất chạy máy Sterrad 100S | Băng | 50 | Thành phần: Chứa Hydrogen Peroxide ≥50%.<br>- Tương thích với máy tiệt khuẩn Plasma Sterrad 100S. | 2.300.000 | 115.000.000 |
| 6 | Ống thổi có phin lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp Carefusion | Cái | 5.000 | Chất liệu nhựa tổng hợp y tế, vật liệu lọc khuẩn là sợi Polypropylene, kị nước.<br>- Đường kính trong đầu cắm vào máy ≥27 mm;<br>- Đường kính ngoài đầu cắm vào máy ≥ 30 mm<br>- Đường kính ngoài đầu phía bệnh nhân ≥ 29mm<br>- Trở kháng: ≥15pa tại 30 lít/ phút<br>- Hiệu quả lọc khuẩn ≥ 99%. | 25.000 | 125.000.000 |
| 7 | Băng dính giấy | Cuộn | 10.000 | Chất liệu giấy không dệt (Non-woven paper) nhẹ nhàng, thấm hút tốt, mềm mịn dễ xé nhanh bằng tay. Phủ keo Acrylic 50-70g/m² không gây kích ứng, lý tưởng cho da nhạy cảm.<br>Độ bền kéo 1.8kg/12mm ± 300g.<br>Độ dính 420g/12mm ± 30g, không sót keo trên da khi tháo băng. Có kiểm tra vi sinh.<br>- Kích thước: 2.5 cm x 5m | 10.500 | 105.000.000 |
| 8 | Dây garo cao su | Cuộn | 1.000 | Làm bằng cao su, có bột chống dính, kích thước từ 6 đến 8 cm, dài ≥100cm | 11.000 | 11.000.000 |
| 9 | Túi đựng Oxy | Cái | 150 | Chất liệu: nylon không độc hại và các vật liệu cao su dùng trong y tế, dễ làm sạch, dễ dàng thực hiện việc bơm trữ oxy.<br>Dung tích: ≥42 lít | 157.500 | 23.625.000 |
| 10 | Que gỗ mũi vát dàn tiêu bản | Cái | 20.000 | Que gỗ dạng trụ tròn;<br>- Kích thước: ≥15cm;<br>- Chất liệu gỗ, không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường | 1.155 | 23.100.000 |
| 11 | Pipet nhựa dùng 1 lần | Cái | 10.000 | Chất liệu nhựa dùng trong y tế, trong suốt, không gây kích ứng, độc hại. Dung tích ≥3ml, có vạch chia từ 0.5ml. | 315 | 3.150.000 |
| 12 | Túi tử thi | Cái | 200 | Chất liệu: nhựa. Kích thước tối ≥(80x215)cm. Có dây kéo khóa dài ≥195cm. Độ dày ≥0.3mm. Không bị rò rỉ nước trong quá trình sử dụng. | 145.000 | 29.000.000 |

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Sonde Blackmore các cỡ | Cái | 30 | Bao gồm tối thiểu: Catheter 3 đường: 2 nhánh bên có van đậy, 1 nhánh giữa có dây dẫn; 1 bóng chèn thực quản, 1 bóng chèn dạ dày.<br>- Trên ống có đường cản quang, có vạch chia khoảng cách<br>- Bóng chèn thực quản dài ≥140mm, áp lực sử dụng ≥4.0 kPa(30mmHg), áp suất tối đa ≥5.3 kPa (40mmHg). Chiều dài ống ≥950mm.<br>- Bóng chèn dạ dày dài ≥ 60mm, thể tích ≥300ml<br>- Vô trùng | 2.800.000 | 84.000.000 |
| 14 | Rọ lấy sỏi niệu | Cái | 200 | Rọ lấy sỏi niệu quản, sử dụng kênh nội soi để lấy sỏi, chất liệu Nitinol hoặc tương đương. Rọ có 4 dây, chống xoắn.<br>- Thân rọ: chất liệu Nitinol hoặc tương đương.<br>- Vỏ bọc: chất liệu Polyamide hoặc tương đương.<br>- Tay cầm: chất liệu nhựa ABS hoặc tương đương.<br>- Kích thước rọ: có tối thiểu cỡ 2.4Fr, hoặc 3Fr, hoặc 4Fr.<br>- Chiều dài: ≥90cm. | 2.200.000 | 440.000.000 |
| Tổng | | | | | | **1.939.875.000** |

**Tổng số mục mua sắm: 14 mục.**

**Tổng số tiền dự toán mua sắm: 1.939.875.000 đồng.**

**Bằng chữ: Một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./.**

**Phụ lục II**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO**

*(Kèm theo Quyết định số: 5337 /QĐ-BVQY103 ngày 09 / 10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Quân y 103)*

| TT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn kinh phí | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện Quân y 103 | VT12.2026 Vật tư y tế tiêu hao | Mua sắm Vật tư y tế tiêu hao | 1.939.875.000 | Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh | Chào giá trực tuyến rút gọn | 30 ngày | Quý IV/2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 300 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | Không áp dụng |
| **Tổng giá trị gói thầu** | | | | **1.939.875.000** | | | | | | | |

***Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./.***